BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 971 /GCN-BXD	*Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2019*

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH Tư vấn kiểm định Chấn Hưng và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 29/6/2019;

Theo đề nghị của Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường,

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH Tư vấn kiểm định Chấn Hưng

Địa chỉ: Số 139 Bùi Thị Trường, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Mã số thuế: 2000438100

Tên phòng thí nghiệm: Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 139 Bùi Thị Trường, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 656**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp./.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH Tư vấn kiểm định Chấn Hưng;
- SXD tỉnh Cà Mau;
- TT Thông tin *(website)*;
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 656

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số: 971/GCN-BXD ngày 12 tháng 7 năm 2019)

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
1	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG**	
	Xác định độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 4030:2003 ; JIS R 5201 ASTM C184, C188, C204 AASHTO T133, T153, T192
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; TCVN 8875:2012 TCVN 9488:2012; TCVN 10653:1015; JIS R5201 ASTM C187, C191, C266, C451 AASHTO T131; T129
	Xác định độ bền uốn, nén	TCVN 6016:2011(ISO 679:2009) TCVN 9488:2012; JIS R5201 ASTM C109; AASHTO T106
2	**THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG**	
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:1993 ; JIS A1101 ASTM C143 ; AASHTO T119
	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993; JIS A1116 ASTM C138 ; AASHTO T121
	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:1993; JIS A1123 ASTM C232 ; AASHTO T158
	Xác định hàm lượng bọt khí của hỗn hợp bê tông	TCVN 3111:1993 ; ASTM C173, C231, C233 AASHTO T152 ; JIS A1128
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:1993
	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:1993
	Xác định độ mài mòn của bê tông	TCVN 3114:1993
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:1993
	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:1993
	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:1993; AASHTO T22, T140, T24 JIS A1107, A1108; ASTM C39, C42
	Xác định cường độ uốn của bê tông	TCVN 3119:1993; ASTM C293, C78 JIS A1114, A1106 AASHTO T97, T177
	Xác định độ pH	TCVN 9339:2012
	Xác định hàm lượng sunfat trong bê tông nặng	TCVN 9336:2012
3	**THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA**	

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006; JIS A1102 ASTM C136 ; AASHTO T27
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của cốt liệu	TCVN 7572-4:2006 ASTM C127, C128 AASHTO T84 , T85 JIS A1109, A1110, A1111
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006 ASTM C127 ; AASHTO T85
	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hổng	TCVN 7572-6:2006 ; JIS A1104 ASTM C29 ; AASHTO T19
	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; JIS A1125 ASTM C566 ; AASHTO T255
	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006 ASTM C117, C142; JIS A1103, A1137 AASHTO T11, T112
	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006 ASTM C40 ; AASHTO T21 JIS A1105, A1142
	Xác định độ nén dập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-10:2006
	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-11:2006 ASTM C170, D2938 ; JIS M0302
	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los-Angeles	TCVN 7572-12:2006 ASTM C131, C535 ; JIS A1121 AASHTO T96, T327
	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006 ASTM D4791; AASHTO T335
	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006 ASTM C142; JIS A1126
	Xác định hàm lượng hạt bị dập vỡ	TCVN 7572-18:2006
	Hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006
4	**THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG**	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2003
	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2003; ASTM C1437
	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2003
	Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2003
	Xác định cường độ uốn và cường độ nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2003 ASTM C109, C348, C349, C942
	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2003; ASTM C1403
5	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY**	
	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009 ASTM C67; AASHTO T32
	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009 ASTM C67; AASHTO T32

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009 ASTM C67; AASHTO T32
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
6	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG**	
	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016
	Xác định cường độ nén	TCVN 6477:2016; ASTM C140
	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016
	Xác định độ hút nước	TCVN 6477:2016; ASTM C140
	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016
7	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN**	
	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:2011
	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:2011
	Xác định độ hút nước	TCVN 6476:2011
	Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:2011
8	**THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA**	
	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; AASHTO T245 ASTM D1559, D6927
	Xác định Hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:2011
	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
	Xác định tỷ trọng lớn nhất ,khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
	Xác định tỷ trọng khối , khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
	Xác định hệ số độ lu lèn	TCVN 8860-8:2011
	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
9	**THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM**	
	Xác định độ lún kim	TCVN 7495:2005 ASTM D5; AASHTO T49
	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005 ASTM D113; AASHTO T51
	Xác định điểm hóa mềm (phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005 ASTM D36; AASHTO T53
	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:2005 ASTM D92; AASHTO T48
	Xác định lượng tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005 ASTM D6; AASHTO T47

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
	Xác định lượng hòa tan trong Tricloetylen	TCVN 7500:2005 ASTM D2042; AASHTO T44
	Xác định khối lượng riêng (phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005 ASTM D70 ; AASHTO T228
	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005
10	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG**	
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012 AASHTO T100; ASTM D854
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012 ASTM D2216; AASHTO T265
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; AASHTO T89, T90; ASTM D4318
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014 AASHTO T88, T27 ASTM C136, D1140, D422
	Xác định sức chống cắt của đất	TCVN 4199:1995 ASTM D3080; AASHTO T236
	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012
	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	22TCN 332-06
	Đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22TCN 333-06
	Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434
	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012
11	**THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN**	
	Thử kéo	TCVN 197-1:2014 ASTM A370, B557
	Thử uốn	TCVN 198:2008; ASTM A370
	Thử phá huỷ mối hàn kim loại -Thử uốn	TCVN 5401:2010
	Thử phá huỷ mối hàn kim loại - Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010
	Thử phá huỷ mối hàn kim loại - Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010
	Cốt thép - Phương pháp uốn và uốn lại	TCVN 6287:1997
	Dây kim loại - Thử kéo	TCVN 1824:1993
	Thép dự ứng lực - Thử kéo	TCVN 7937-3:2009
	Thử cáp thép	ASTM A370
	Xác định chiều dày lớp phủ bề mặt kim loại	TCVN 5878:2007; ASTM E376, B244
12	**THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG**	
	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	22TCN 02-71
	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346-06
	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước	TCVN 8864:2011

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
	dài 3,0 mét	
	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
	Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867:2011
	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
	Đo điện trở nối đất	TCVN 9385:2012
	Trắc địa công trình xây dựng	TCVN 3972:1985
	Cọc - Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nẩy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012
	Phương pháp xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012
	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCVN 9351:2012
	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	ASTM D2573
	Thử ống cống bê tông cốt thép (Kiểm tra ngoại quan, kích thước, khuyết tật; khả năng chống thấm; khả năng chịu tải của đốt cống)	TCVN 9113:2012
13	**THỬ NGHIỆM GẠCH ỐP LÁT**	
	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2016
	Xác định độ hút nước, độ xốp biểu kiến, khối lượng riêng và khối lượng thể tích	TCVN 6415-3:2016
	Xác định độ bền uốn gẫy và lực uốn gẫy	TCVN 6415-4:2016
	Xác định độ bền va đập bằng cách đo hệ số phản hồi	TCVN 6415-5:2016
	Xác định độ mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men	TCVN 6415-7:2016
14	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA**	
	Xác định thành phần hạt; lượng mất khi nung, hàm lượng nước; hệ số háo nước; hàm lượng chất hoà tan trong nước	22TCN 58-84
	Xác định khối lượng riêng của bột khoáng chất; khối lượng riêng của bột khoáng chất và nhựa đường; khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất; khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường	22TCN 58-84
15	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH, NGÓI LỢP**	
	Ngói lợp: Xác định tải trọng uốn gãy; độ hút nước; thời gian xuyên nước; khối lượng 1m² ngói bão hòa nước	TCVN 4313:1995
	Gạch Terazo: Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén, độ hút nước, độ	TCVN 7744:2013

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
	mài mòn	
	Gạch xi măng lát nền: Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; Xác định độ mài mòn, độ hút nước, độ chịu lực xung kích, lực uốn gãy, độ cứng lớp mặt	TCVN 6065:1995
	Gạch Granito: Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định độ chịu mài mòn, độ cứng lớp mặt, lực va đập xung kích	TCVN 6074:1995

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.